**PHỤ LỤC**

**Danh sách các thông báo về dự thảo và quy định có hiệu lực về SPS của các nước thành viên WTO từ ngày 21/7/2024 đến ngày 20/8/2024**

1. **DANH SÁCH CÁC QUY ĐỊNH VỀ SPS ĐANG XIN Ý KIẾN CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia/ khu vực** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| 1 | G/SPS/N/UKR/227 | ATTP | Ucraina | 20/8/2024 | Dự thảo Nghị quyết của thành viên Nội các, Bộ trưởng Ucraina "Về việc sửa đổi Nghị quyết về các điểm kiểm soát tại cửa khẩu biên giới cũng như các quy tắc an toàn sức khỏe cộng đồng trên thổ Ucraina". | Dự thảo Nghị quyết của thành viên Nội các, Bộ trưởng Ucraina "Về việc sửa đổi Nghị quyết về các điểm kiểm soát tại cửa khẩu biên giới cũng như các quy tắc an toàn vệ sinh trên lãnh thổ Ucraina" nhằm mục đích bảo vệ người dân khỏi các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các trường hợp khẩn cấp về sức khỏe cộng đồng.  Dự thảo Nghị quyết quy định thẩm quyền của các cơ quan thực hiện kiểm soát hàng hóa tuân thủ các quy định về y tế, vệ sinh, công bố hàng hóa không thể được nhập khẩu vào lãnh thổ Ucraina nếu cơ quan có thẩm quyền nhận thấy rằng việc nhập khẩu hàng hóa vào lãnh thổ Ucraine có nguy cơ xuất hiện và lây lan các bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.  Căn cứ vào kết quả kiểm tra hàng hóa được thực hiện tại cửa khẩu, cơ quan có thẩm quyền có thể ra quyết định cần thiết phải kiểm tra chuyên sâu với việc tháo tem niêm phong cần lấy mẫu để xét nghiệm phù hợp và các biện pháp y tế và vệ sinh cần thiết. |
| 2 | G/SPS/N/AUS/596 | TY | Úc | 20/8/2024 | Cập nhật chứng nhận vệ sinh cho thịt và các sản phẩm từ thịt, thực phẩm chế biến và các sản | Cập nhật hệ thống chứng nhận xuất khẩu hiện tại EXDOC), bao gồm những thay đổi nhỏ về định dạng của chứng nhận sức khỏe như vị trí và kích thước của các |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  | phẩm phụ từ động vật không ăn được dùng làm như thức ăn cho vật nuôi, dược phẩm, len và da xuất khẩu từ Úc | trường thông tin và kích thước đỉnh. Tuy nhiên những thay đổi nhỏ này không ảnh hưởng đến các điều kiện hoặc chứng nhận đã thỏa thuận để tiếp cận thị trường, thông tin đã thỏa thuận song phương về chi tiết lô hàng hoặc các biện pháp kiểm soát theo quy định đối với hàng xuất khẩu. Chứng nhận EXDOC cho thịt và các sản phẩm từ thịt, thực phẩm chế biến và các sản phẩm phụ từ động vật không ăn được như thức ăn cho vật nuôi, dược phẩm, len và da sẽ được sản xuất bằng hệ thống in đã cập nhật bắt đầu từ ngày 1/10/2024.  Sẽ có một thời gian chuyển tiếp trong đó cho phép sử dụng chứng chỉ cũ hoặc mới (vận chuyển bằng đường hàng không và đường biển).  Những thay đổi này không ảnh hưởng đến chứng nhận cho các mặt hàng được cấp thông qua hệ thống chứng nhận mới của Úc, bao gồm chứng nhận cho các sản phẩm từ sữa, trứng, mật ong và các sản phẩm từ ong mật từ ngày 30/9/2024, các sản phẩm từ cá, như đã thông báo trước đó trong G/SPS/N/AUS/593, được công bố vào ngày 2/8/2024. |
| 3 | G/SPS/N/ARM/57 | TY | Armenia | 19/8/2024 | Dự thảo Quyết định của Hội đồng Ủy ban kinh tế Á-Âu về việc Sửa đổi Quy định về các yêu cầu chung về thú y (vệ sinh thú y) đối với hàng hóa thuộc diện kiểm soát (giám sát) thú y | Dự thảo đưa ra các sửa đổi cho phép các quốc gia thành viên của Liên minh Kinh tế Á-Âu có thể thoả thuận và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật dưới dạng điện tử gửi qua e-mail, sửa đổi cũng cho phép các quốc gia thành viên xác định ngày có hiệu lực của các giấy chứng nhận. Các sửa đổi bao gồm các mẫu giấy chứng nhận kiểm dịch khác biệt với các mẫu giấy chứng nhận đối với hàng hóa thuộc diện kiểm soát thú y (giám sát) nhập khẩu vào lãnh thổ hải quan của Liên minh, được phê duyệt theo Quyết định số 607 ngày 07/4/2011 của Ủy ban Liên minh Hải quan |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 4 | G/SPS/N/ARM/56 | TY, CN, TS | Armenia | 19/8/2024 | Dự thảo Quyết định của Hội đồng Ủy ban kinh tế Á-Âu về Quy định điều chỉnh quy tắc lưu hành chất phụ gia thức ăn chăn nuôi trong lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á Âu | Dự thảo quy định về việc phê duyệt các quy tắc liên quan đến lưu hành chất phụ gia thức ăn chăn nuôi trong lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu (sau đây gọi là Liên minh), bao gồm:  − Quy tắc về lưu hành chất phụ gia thức ăn chăn nuôi;  − Quy trình về đăng ký phụ gia thức ăn chăn nuôi cũng như các quy trình khác liên quan đến việc đăng ký;  − Quy trình đánh giá chung về chất lượng, độ an toàn và hiệu quả của chất phụ gia thức ăn chăn nuôi cũng như các tiêu chí đánh giá;  − Các quy tắc về trao đổi thông tin khi tổ chức và tiến hành kiểm soát nhà nước (giám sát) trong lĩnh vực lưu hành chất phụ gia thức ăn;  − Biểu mẫu đăng ký;  − Sổ đăng ký về chất phụ gia thức ăn chăn nuôi được ghi nhận theo các quy tắc thống nhất của Liên minh;  − Cơ sở dữ liệu về phụ gia thức ăn chăn nuôi kém chất lượng, không an toàn, phụ gia thức ăn chăn nuôi giả và (hoặc) hàng nhái được phát hiện dưới sự kiểm soát (giám sát) của nhà nước trong việc lưu hành phụ gia thức ăn chăn nuôi;  − Cơ sở dữ liệu về tác động bất lợi của chất phụ gia đối với động vật;  − Sổ đăng ký đối với nhà sản xuất phụ gia thức ăn chăn nuôi, trong đó việc sản xuất được công nhận là tuân thủ các yêu cầu thống nhất của Liên minh. |
| 5 | G/SPS/N/ARM/55 | TY | Armenia | 19/8/2024 | Dự thảo Quyết định của Hội đồng Uy ban kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi quy định về thủ tục để kiểm tra các cơ sở và lấy mẫu hàng hóa (Sản phẩm) kiểm dịch động vật (Giám sát) | Dự thảo quy định sửa đổi liên quan đến hoạt động của các thanh tra viên tiến hành kiểm tra thú y tại các cơ sở của nước thứ ba, đồng thời cho phép các cơ quan có thẩm quyền loại bỏ các doanh nghiệp khỏi danh mục các cơ sở được phép xuất khẩu trong vòng 5 năm do không thực hiện kiểm soát hoàng hóa (sản phẩm) vào lãnh thổ hải |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu. Dự thảo cũng đưa ra các điều kiện đối với doanh nghiệp của nước thứ ba thuộc diện kiểm soát có thể bị đình chỉ. |
| 6 | G/SPS/N/TPKM/631 | ATTP, BVTV, TY | Đài Loan Trung Quốc | 15/8/2024 | Dự thảo tiêu chuẩn về giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu trong thực phẩm và dư lượng thuốc trừ sâu trong sản phẩm động vật | Sửa đổi mức dư lượng tối đa (MRLs) của các loại thuốc BVTV Acequinocyl, Afidopyropen, Buprofezin, Clothianidin, Fenpyroximate, Fipronil, Fluazifop-P- butyl, Fludioxonil, Fluxametamide, Inpyrfluxam, Ipflufenoquin, Isopyrazam, Mandipropamid, Mefentrifluconazole, Oxathiapiprolin, Picoxystrobin, Pydiflumetofen, Pyriproxyfen, Spinetoram, Spiropidion và Spirotetramate trong trái cây, rau củ, ngũ cốc, đậu khô, các loại hạt cây, thảo mộc, hạt ca cao, hạt cà phê, hoa bia và trà mức dư lượng tối đa từ 0,01-10 mg/kg, đặc biệt Fipronil trong khoai lang 0,002 mg/kg. Thu hồi mức dư lượng của thuốc BVTV Dichlofluanid. Bổ sung Dicofol và Chlorpyrifos vào danh sách các loại thuốc BVTV bị cấm sử dụng.  Sửa đổi mức dư lượng tối đa của thuốc BVTV Chlorfenapyr, Cyantraniliprole, Cyprodinil, Fluazifop-p- butyl, Imazalil, Mandipropamid, Penthiopyrad, Propamocarb hydrochloride, Pyrimethanil, Spiromesifen và Triadimenol trong thịt gia súc và gia cầm, nội tạng ăn được, trứng và sữa ở mức 0,01-0,5 mg/kg. |
| 7 | G/SPS/N/BRA/2322 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 15/8/2024 | [Dự thảo Nghị quyết 1272, ngày](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=9626) [12/8/2024](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=9626) | Dự thảo nghị quyết cập nhật hoạt chất A18 - Abamectin, A26 – Azoxystrobin, B26 - Bifentrin, C36 - Cyproconazole, C63 - Lambda-Cyalothrine, C66 - Cyazophamide, C70 - Chlorantraniliprole, D17 - Diflubenzurom, D18 - Dimethoat, D36 - Difenoconazole, E05 – Etefom, F49 – Fludioxonil, F65 – Fluopicolide, F69 – Flupyradifurone, F76 – Fluindapir, F80 – Fluoxapiproline, G05 – Amoni Glufosinat, I21 – |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | Indoxacarb, I30 – Impirfluxam, I32 – Isocycloseram, M45 – Mandipropamide, N09 – Novalurom, P21 – Azol, T32 – Tebuconazole Và T56 – Ethylic Trinexapaque vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ. |
| 8 | G/SPS/N/USA/3469 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 14/8/2024 | Bổ sung thêm MRL về tồn dư Indoxacarb | Dự án nghiên cứu liên vùng số 4 yêu cầu bổ sung thêm MRL đối với một số loại thực phẩm theo Luật Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm. Quy định thiết lập giới hạn đối với hoạt chất Indoxacarb trong các loại thực phẩm khác nhau bao gồm sản phẩm có nguồn gốc từ động vật và thực vật. So với quy định cũ, quy định này có bổ sung thêm một số loại thực phẩm với mức MRL như sau:   * Bắp cải, rau xanh, phân nhóm 4-16B: 12 mg/kg * Cần tây : 14 mg/kg * Hạt đậu gà khô: 0,02 mg/kg * Cà phê, đậu xanh: 0,03 mg/kg * Cây thì là Ý: 14 mg/kg * Dâu tây: 4 mg/kg * Lê các loại: 0,2 mg/kg * Ngô ngọt, phân nhóm 15-22D: 0,02 mg/kg * Cây cải ( ngọn và thân) nhóm 5 – 16: 12 mg/kg…..   …….  Chi tiết dự thảo tại: https:/[/www.govinfo.gov/content/pkg/FR-2024-08-](http://www.govinfo.gov/content/pkg/FR-2024-08-) 08/html/2024-17371.htm |
| 9 | G/SPS/N/USA/3466 | ATTP | Hoa Kỳ | 14/8/2024 | Dung sai thuốc trừ sâu Pendimethalin. | Tập đoàn BASF đề xuất dư lượng Pendimethalin trong hoặc trên quả sung 0,1 mg/kg và sung khô 3 mg/kg theo Đạo luật Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm Liên bang (FFDCA). |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 10 | G/SPS/N/USA/3465 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 14/8/2024 | Thu hồi miễn trừ dung sai khi áp dụng cho thành phần trơ trong sản phẩm thuốc trừ sâu. | Cơ quan Bảo vệ Môi trườngn (EPA) đề xuất thu hồi miễn trừ dung sai đối với polytetrafluoroethylene (Số CAS 9002-84-0), khi được sử dụng như một thành phần trơ trong các công thức thuốc trừ sâu theo Đạo luật Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm (FFDCA). EPA đề xuất thu hồi miễn trừ dung sai này vì polytetrafluoroethylene đã được xác định là một chất độc hại và hoạt chất polyfluoroalkyl (PFAS) không được phép sử dụng trong bất kỳ sản phẩm thuốc trừ sâu nào. |
| 11 | G/SPS/N/TPKM/630 | ATTP, BVT,CL C, TY | Đài Loan Trung Quốc | 14/8/2024 | Dự thảo Tiêu chuẩn vệ sinh đối với chất gây ô nhiễm và độc tố trong thực phẩm. | Dự thảo quy định này nhằm mục đích thiết lập mức dư lượng tối đa (MRL) cho Cadmium trong các sản phẩm sô cô la. |
| 12 | G/SPS/N/CHL/727  /Rev.1 | BVTV | Chi-lê | 13/8/2024 | Dự thảo yêu cầu nhập khẩu đối sinh sản sinh dưỡng các loài cây cảnh; cập nhật các yêu cầu đối với các loài đã chỉ định và hủy bỏ Nghị quyết số 3.418 năm 2002. | Cập nhật các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với sinh sản sinh dưỡng các loài cây cảnh, phù hợp với bằng chứng khoa học mới nhất và phân tích rủi ro dịch hại. |
| 13 | G/SPS/N/BRA/2321 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 13/8/2024 | [Dự thảo Nghị quyết 1271, ngày](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=9611) [5/8/2024.](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=9611) | Dự thảo nghị quyết cập nhật các hoạt chất P06 - Permethrin và P34 - Pyriproxifem vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ. |
| 14 | G/SPS/N/BDI/119, G/SPS/N/KEN/298, G/SPS/N/RWA/112, G/SPS/N/TZA/377, G/SPS/N/UGA/370 | CLCB | Các quốc gia Đông Phi | 13/8/2024 | DEAS 873: 2022, Thăn cá ngừ đông lạnh - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản thứ hai | Dự thảo tiêu chuẩn nêu rõ các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với thăn cá ngừ đông lạnh dùng làm thực phẩm cho con người. |
| 15 | G/SPS/N/BDI/118, G/SPS/N/KEN/297, G/SPS/N/RWA/111, | CLCB | Các quốc gia Đông Phi | 13/8/2024 | DEAS 826: 2022, Cá khô-—  sardine nước ngọt | Dự thảo Tiêu chuẩn nêu rõ các yêu cầu và phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với các loài cá sardine nước ngọt khô như *Rastrineobola argentea, Stolothrissa* |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | G/SPS/N/TZA/376, G/SPS/N/UGA/369 |  |  |  | (Rastrineobola argentea) - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản thứ hai. | *tanganicae, Limnothrissa miodon* và *Engraulicypris sardella, Engraulicypris bredoi, Brycinus nurse* dùng làm thực phẩm cho con người. |
| 16 | G/SPS/N/BDI/117, G/SPS/N/KEN/296, G/SPS/N/RWA/110, G/SPS/N/TZA/375, G/SPS/N/UGA/368 | CLCB | Các quốc gia Đông Phi | 13/8/2024 | DEAS 875: 2022, Tôm sú hoặc tôm đông lạnh nhanh - Tiêu chuẩn kỹ thuật, ấn bản thứ hai. | Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và kiểm tra cho tôm sú và tôm đông lạnh nhanh. |
| 17 | G/SPS/N/BDI/116, G/SPS/N/KEN/295, G/SPS/N/RWA/109, G/SPS/N/TZA/374, G/SPS/N/UGA/367 | CLCB | Các quốc gia Đông Phi | 13/8/2024 | DEAS 828: 2022, Cá khô và cá khô ướp muối - Tiêu chuẩn kỹ thuật, ấn bản thứ hai. | Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định các yêu cầu và phương pháp lấy mẫu và kiểm tra cho cá khô và các sản phẩm cá khô ướp muối, ngoại trừ cá mòi nước ngọt khô và cá hun khói. |
| 18 | G/SPS/N/BDI/115, G/SPS/N/KEN/294, G/SPS/N/RWA/108, G/SPS/N/TZA/373, G/SPS/N/UGA/366 | CLCB | Các quốc gia Đông Phi | 13/8/2024 | DEAS 872: 2022, Bạch tuộc đông lạnh - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản thứ hai | Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bạch tuộc đông lạnh dùng làm thực phẩm cho con người. |
| 19 | G/SPS/N/BDI/114, G/SPS/N/KEN/293, G/SPS/N/RWA/107, G/SPS/N/TZA/372, G/SPS/N/UGA/365 | CLCB | Các quốc gia Đông Phi | 13/8/2024 | DEAS 874: 2022, Quy trình chế biến và xử lý tôm hoặc tép - Quy tắc thực hành, ấn bản thứ hai. | Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định các hướng dẫn về quy trình chế biến và xử lý tôm hoặc tép dung làm thực phẩm cho con người. |
| 20 | G/SPS/N/UGA/364 | BVTV | Uganda | 12/8/2024 | DUS DARS 831:2024, Chuối  tươi - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn của Uganda về quy định các yêu cầu đối với chuối được trồng từ *Musa spp*. (AAA) của họ Musaceae đưa vào thị trường trong nước và quốc tế ở trạng thái tươi và tự nhiên. Không áp dụng chuối để chế biến công nghiệp. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 21 | G/SPS/N/UGA/363 | BVTV | Uganda | 12/8/2024 | DUS DARS 888:2024, Xoài  tươi - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn của Uganda áp dụng đối với xoài được trồng từ *Mangifera indica* L., của họ Anacardiaceae cung cấp tươi cho người tiêu dùng, sau khi sơ chế và đóng gói. Không áp dụng đối với xoài để chế biến công nghiệp. |
| 22 | G/SPS/N/UGA/362 | BVTV | Uganda | 12/8/2024 | DUS DARS 887:2024, Bơ tươi -  Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn của Uganda áp dụng cho bơ được cung cấp tươi cho người tiêu dùng, không áp dụng quả non và bơ để chế biến công nghiệp. Tiêu chuẩn này cũng quy định các yêu cầu về xử lý, phân loại và đóng gói cho đến vận chuyển sản phẩm. |
| 23 | G/SPS/N/UGA/361 | BVTV | Uganda | 12/8/2024 | DUS DARS 889:2024, Đu đủ  tươi - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên. | Dự thảo Tiêu chuẩn của Uganda áp dụng cho các loại quả đu đủ thương mại được trồng từ *Carica papaya* L., của họ Caricaceae để cung cấp tươi cho người tiêu dùng, sau khi sơ chế và đóng gói. Không áp dụng đối với đu đủ để chế biến công nghiệp. |
| 24 | G/SPS/N/UGA/360 | BVTV | Uganda | 12/8/2024 | DUS DARS 924:2024, Cải bi  xen tươi - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn của Uganda áp dụng cho Cải bi xen cung cấp tươi cho người tiêu dùng, Không áp dụng trong chế biến công nghiệp. |
| 25 | G/SPS/N/UGA/359 | BVTV | Uganda | 12/8/2024 | DUS DARS 923:2024, Cải thảo  tươi - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn của Uganda yêu cầu về chất lượng đối với các giống cải thảo phát triển từ giống *Brassica rapa* subsp. *pekinensis* (Lour). Tiêu chuẩn này áp dụng cho các loại cải thảo dài và tròn sau khi đã được sơ chế và đóng gói để cung cấp cho người tiêu dùng. Không áp dụng trong chế biến công nghiệp. |
| 26 | G/SPS/N/UGA/358 | BVTV | Uganda | 12/8/2024 | DUS DARS 890:2024, Chanh  leo - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn của Uganda áp dụng cho các giống chanh leo thương mại thuộc các loài chanh leo vàng/ ngọt (*Passiflora ligularis Juss*), chanh leo tím (*Passiflora edulis Sims forma edulis*), chanh leo vàng (*Passiflora edulis Sims forma flavicarpa*) và các giống lai của chúng thuộc họ Passifloraceae. Những loại chanh leo này được cung cấp tươi cho người tiêu dùng sau khi đã được sơ chế |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | và đóng gói, không bao gồm chanh leo dùng cho chế biến công nghiệp |
| 27 | G/SPS/N/UGA/357 | BVTV | Uganda | 12/8/2024 | DUS DARS 903:2024, Dưa hấu  tươi - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn của Uganda áp dụng cho các giống dưa hấu được trồng từ loài *Citrullus lanatus* (Thunberg) Matsumara & Nakai (còn gọi là C. vulgaris) để cung cấp tươi cho người tiêu dùng, không bao gồm dưa hấu sử dụng cho chế biến công nghiệp. |
| 28 | G/SPS/N/UGA/356 | BVTV | Uganda | 12/8/2024 | DUS DARS 918:2024, Quả lựu  - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn của Uganda áp dụng cho các giống lựu được trồng từ loài *Punica granatum* L. thuộc họ Puniaceae, được cung cấp tươi cho người tiêu dùng, không bao gồm lựu sử dụng cho chế biến công nghiệp. |
| 29 | G/SPS/N/UGA/355 | BVTV | Uganda | 12/8/2024 | DUS DARS 942:2024, Cà rốt  tươi - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn của Uganda áp dụng cho các giống cà rốt được trồng từ loài *Daucus carota* L., để cung cấp tươi cho người tiêu dùng, cà rốt được bán trên thị trường có thể có hoặc không có lá. Không bao gồm cà rốt dùng cho chế biến công nghiệp. |
| 30 | G/SPS/N/UGA/354 | BVTV | Uganda | 12/8/2024 | DUS DARS 925:2024, súp lơ  xanh - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên. | Bản dự thảo Tiêu chuẩn của Uganda áp dụng cho súp lơ xanh được trồng từ *Brassica oleracea* var.italica Plenck để cung cấp tươi cho người tiêu dùng, không bao gồm sử dụng cho chế biến công nghiệp. |
| 31 | G/SPS/N/UGA/353 | BVTV | Uganda | 12/8/2024 | DUS DARS 926:2024, Súp lơ  trắng - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên. | Bản thảo Tiêu chuẩn của Uganda áp dụng cho các loại súp lơ trắng được trồng từ *Brassica oleracea* L. convar. botrytis (L.) để cung cấp tươi cho người tiêu dùng, không bao gồm để chế biến công nghiệp. |
| 32 | G/SPS/N/UGA/352 | BVTV | Uganda | 12/8/2024 | DUS DARS 928:2024, Rau diếp  tươi, rau diếp xoăn và rau diếp lá rộng (batavian) - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên. | Dự thảo Tiêu chuẩn của Uganda áp dụng cho các chủng loại rau diếp được trồng từ: *Lactuca sativa L. var. capitata L., Lactuca sativa L. var. longifolia Lam., Lactuca sativa L. var. crispa L*., *Cichorium endivia L. var. crispa Lam, Cichorium endivia L.var. latifolium* |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | *Lam* để cung cấp tươi cho người tiêu dùng. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho sản phẩm chế biến công nghiệp. |
| 33 | G/SPS/N/UGA/351 | BVTV | Uganda | 12/8/2024 | DUS DARS 932:2024, Rau diếp  romaine tươi - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên. | Dự thảo Tiêu chuẩn của Uganda áp dụng cho rau diếp romaine thuộc giống *Lactuca sativa longifolia* để cung cấp tươi cho người tiêu dùng. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho sản phẩm chế biến công nghiệp. |
| 34 | G/SPS/N/UGA/349 | Uganda | BVTV | 12/08/2024 | DUS DARS 993:2024, Bồ công  anh tươi - Tiêu chuẩn kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên" | Dự thảo Tiêu chuẩn của Uganda áp dụng cho bồ công anh bao gồm cả cây hoặc lá đã cắt của các giống cây thuộc giống *Taraxacum officinale F.H. Wigg.*, được cung cấp tươi cho người tiêu dùng, không áp dụng cho bồ công anh để chế biến công nghiệp. |
| 35 | G/SPS/N/UGA/348 | Uganda | BVTV | 12/08/2024 | DUS DARS 893:2024, Táo tươi  - Tiêu chuẩn kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên" | Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda áp dụng cho táo thuộc giống cây *Malus domestica Borkh*, được cung cấp tươi cho người tiêu dùng, không áp dụng cho táo để chế biến công nghiệp. |
| 36 | G/SPS/N/USA/3464 | ATTP | Hoa Kỳ | 09/8/2024 | Thông báo của Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ thông báo về đơn kiến nghị liên quan đến chất phụ gia màu | Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) thông báo ngày 03/7/2024 đã nhận đơn kiến nghị do công ty Phytolon nộp, đề xuất sửa đổi các quy định về phụ gia màu để đảm bảo an toàn đối với cây xương rồng lê gai vàng để tạo màu vàng cho thực phẩm nói chung với liều lượng phù hợp với quy trình thực hành sản xuất tốt (GMP) hiện tại. |
| 37 | G/SPS/N/USA/3463 | ATTP, TY | Hoa Kỳ | 09/8/2024 | Quy định *Salmonella* trên sản phẩm gia cầm tươi | Cơ quan kiểm dịch và An toàn thực phẩm Hoa Kỳ (FSIS) xác định rằng thịt gà tươi, các bộ phận của gà, thịt gà xay và các sản phẩm gà tây xay bị nhiễm khuẩn *Salmonella* trong phạm vi Đạo Luật kiểm dịch sản phẩm gia cầm. Nội dung dự thảo tóm tắt như sau:  1. Dự thảo thiết lập các tiêu chuẩn sản phẩm dựa trên các mức độ nhiễm các chủng *Salmonella* và ngăn chặn việc đưa ra thị trường những sản phẩm gà tươi bị nhiễm |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | *Salmonella*. FSIS đề xuất nếu các chỉ tiêu vượt quá mức sau đây thì sẽ bị coi là không đạt yêu cầu:  - Thịt gà và các bộ phận của con gà: *Salmonella* từ 10 cfu/ml trở lên hoặc phát hiện có một số chủng *Salmonella* có ảnh hưởng tới sức khỏe con người như *S. enteritidis,*  *S. typhimurium*,…   * Thịt gà xay: *Salmonella* từ 10 cfu/g trở lên hoặc phát hiện có một số chủng *Salmonella* có ảnh hưởng tới sức khỏe con người như *S. enteritidis, S. typhimurium*,… * Thịt gà tây xay: *Salmonella* từ 10 cfu/g trở lên hoặc phát hiện có một số chủng *Salmonella* có ảnh hưởng tới sức khỏe con người như *S. enteritidis, S. typhimurium*, S. *hadar*, S*. muenchen*…   2. FSIS đề xuất sửa đổi Mục “g” khoản 381.65, nội dung 9: Động vật và sản phẩm động vật của Bộ Luật Liên bang Hoa Kỳ. Dự thảo yêu cầu đối với các cơ sở giết mổ phải thiết lập quy trình bằng văn bản để phòng ngừa tạp nhiễm các tác nhân gây bệnh đường ruột trong quá trình giết mổ và làm sạch. Quy trình này bao gồm nội dung giám sát vi khuẩn, yêu cầu lấy mẫu đồng thời tại lúc treo thịt và sau khi làm lạnh. Kết quả giám sát vi khuẩn sẽ được gửi tới cơ quan chức năng theo phương thức điện tử ( mục “h” khoản 381.65, nội dung 9 của Bộ luật Liên bang) |
| 38 | G/SPS/N/USA/3452  /Add.1 | ATTP | Hoa Kỳ | 09/8/2024 | Gia hạn thời gian nhận ý kiến góp ý cho dự thảo sửa đổi các quy định về phụ gia thực phẩm, loại bỏ sự cấp phép polyethylene fluorinated làm phụ gia thực phẩm | Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) thông báo gia hạn thêm thời gian góp ý cho đề nghị sửa đổi các quy định về phụ gia thực phẩm, loại bỏ sự cấp phép polyethylene fluorinated làm phụ gia thực phẩm được công bố trên Công báo Liên bang ngày 26/4/2024. Thời gian gia hạn nhận góp ý đến ngày 23/9/2024 |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 39 | G/SPS/N/BRA/2319 | TY, CN | Bra-xin | 09/08/2024 | Quy định nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thành phần thức ăn chăn nuôi hoặc bột có nguồn gốc động vật vào Bra-xin | Thiết lập quy định nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thành phần thức ăn chăn nuôi hoặc bột có nguồn gốc động vật vào Bra-xin |
| 40 | G/SPS/N/UGA/347 | BVTV | Uganda | 09/08/2024 | "DUS DARS 972:2024, Atisô  tươi - Tiêu chuẩn kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên" | Tiêu chuẩn của Uganda áp dụng cho hoa atisô của các giống được trồng từ *Cynara cardunculus* L., dùng để cung cấp tươi cho người tiêu dùng, không bao gồm atisô dùng cho chế biến công nghiệp. |
| 41 | G/SPS/N/UGA/346 | BVTV | Uganda | 09/08/2024 | [DUS DARS 896:2024, Quả](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=9583)  [Kiwi tươi - Tiêu chuẩn kỹ thuật,](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=9583) Ấn bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda này áp dụng cho quả kiwi thuộc các giống có nguồn gốc từ *Actinidia chinensis* Planch và *A. deliciosa* (A. Chev.) C.F. Liang & A.R. Ferguson và các giống lai của một trong hai giống này, thuộc họ *Actinidiaceae*, để cung cấp tươi cho người tiêu dùng, không bao gồm quả kiwi dùng cho chế biến công nghiệp. |
| 42 | G/SPS/N/UGA/345 | BVTV | Uganda | 09/8/2024 | DUS DARS 894:2024, Quả mơ  tươi - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn của Uganda áp dụng cho các giống mơ được trồng từ *Prunus armeniaca L.* và các giống lai giữa các loài có nguồn gốc từ mơ *( Prunus armeniaca )* và mận *( Prunus domestica hoặc Prunus salicina )* để cung cấp tươi cho người tiêu dùng, Tiêu chuẩn này không áp dụng cho mơ để chế biến công nghiệp. |
| 43 | G/SPS/N/UGA/344 | BVTV | Uganda | 09/8/2024 | DUS DARS 900:2024, Dâu tây  tươi - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên | Bản dự thảo Tiêu chuẩn của Uganda áp dụng cho dâu tây các loại (giống) được trồng từ chi *Fragaria L*. để cung cấp tươi cho người tiêu dùng, Tiêu chuẩn này không áp dụng cho dâu tây để chế biến công nghiệp |
| 44 | G/SPS/N/UGA/342 | BVTV | Uganda | 09/8/2024 | DUS DARS 906:2024, Quả na  tươi (Annonas) - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda này áp dụng cho các loại trái cây sau đây, được phân loại là "Annonas", được cung cấp ở dạng tươi cho người tiêu dùng, loại trừ các loại trái cây dùng cho chế biến công nghiệp. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | 1. Mãng cầu của các giống (giống) được trồng từ loài   *Annona cherimola Mill*.   1. Quả na thuộc giống (giống) trồng từ loài *Annona squamosa* L. 2. Atemoya (loại quả lai giữa mãng cầu ta) lai từ loài   *Annona cherimola Mill và Annona squamosa* L.   1. Mãng cầu Xiêm các giống (giống) trồng từ loài   *Annona muricata* L. |
| 45 | G/SPS/N/AUS/595 | BVTV | Úc | 08/8/2024 | Cập nhật nội dung Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của Úc | Dự thảo bổ sung nội dung đối với Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của Úc và đảm bảo tuân thủ, đáp ứng các nghĩa vụ quốc tế của theo Công ước Bảo vệ Thực vật Quốc tế (IPPC) và Tiêu chuẩn quốc tế về các biện pháp kiểm dịch thực vật (ISPM) 12.2.  Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật được bổ sung gồm:   * Thành phần sản phẩm; * Tình trạng sản phẩm; * Mục đích sử dụng.   Giấy chứng nhận mới sẽ được áp dụng vào tháng 10 năm 2024. Sẽ có một giai đoạn chuyển tiếp, trong đó các chứng nhận cũ và mới đều được chấp nhận |
| 46 | G/SPS/N/AUS/594 | BVTV, TY | Úc | 07/8/2024 | Dự thảo Đánh giá rủi ro an toàn sinh học đối với việc nhập khẩu ốc sên vườn (*Cornuaspersum*) để nuôi: | Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp của Úc đã công bố dự thảo đánh giá rủi ro an toàn sinh học đối với nhập khẩu ốc sên vườn (*Cornu aspersum*) để nuôi.  Dự thảo đề xuất rằng ốc sên vườn có thể được phép nhập khẩu vào Úc với điều kiện tuân thủ một loạt các biện pháp an toàn sinh học, bao gồm cả kiểm dịch sau khi đến Úc. Các biện pháp này được thực hiện bởi các đánh giá rủi ro, đáp ứng các quyền và nghĩa vụ quốc tế cần thiết để bảo vệ sức khỏe của thực vật và động vật Úc.  Dự thảo truy cập tại: https://haveyoursay.agriculture.gov.au. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 47 | G/SPS/N/UKR/226 | ATTP | Ucraina | 05/8/2024 | Quyết định số 992 "Về sửa đổi Quyết định của Bộ Y tế Ucraine số 55 ngày 2/2/2016" | Sửa đổi các tiêu chuẩn và quy định sử dụng an toàn thuốc trừ sâu và hóa chất nông nghiệp theo Quyết định số 55 ngày 2/2/2016 (được sửa đổi theo Quyết định số 1276 ngày 28/5/2020). |
| 48 | G/SPS/N/EGY/92  /Add.8 | TY, BVTV, ATTP, XNK | Ai Cập | 05/8/2024 | Thời hạn sử dụng của thực phẩm | Dự thảo bổ sung liên quan đến dự thảo tiêu chuẩn Ai Cập ES 2613-2 "Thời hạn sử dụng của sản phẩm thực phẩm Phần: 2 Thời hạn sử dụng"  Lưu ý các Quyết định số: 100/2019 thông báo trong G/SPS/N/EGY/92/Add.1 ngày 3/6/2020; 653/2020 thông báo trong G/SPS/N/EGY/92/Add.2 ngày 15/3/2021; 222/2021 thông báo trong G/SPS/N/EGY/92/Add.3 ngày 20/9/2021; 522/2021 thông báo trong G/SPS/N/EGY/92/Add.4 ngày 18/3/2022; 393/2022 thông báo trong G/SPS/N/EGY/ 92/Add.5 ngày 25/8/2022; 233/2023 thông báo trong G/SPS/N/EGY/92/Add.6 ngày 21/7/2023; 361/2024 thông báo trong G/SPS/N/EGY/92/Add.7 ngày 12/7/2024 là bắt buộc đính kèm và sửa đổi vào Tiêu chuẩn này.  Sửa đổi một phần ở các bảng (1), (2) và (3) như sau:   * Thời hạn sử dụng của sữa chua nguyên chất và sữa chua có hương vị là 30 ngày thay vì 15 ngày. * Thời hạn sử dụng của gan bò, gan trâu là 12 tháng thay vì 7 tháng. * Thời hạn sử dụng của cá đông lạnh là 10 tháng thay vì 6 tháng. |
| 49 | G/SPS/N/AUS/593 | CLCB, TY | Úc | 02/8/2024 | Úc cập nhật giấy chứng nhận vệ sinh cho hàng xuất khẩu cá và các sản phẩm từ cá | Hệ thống hồ sơ xuất khẩu hiện tại (EXDOC) đối với cá và các sản phẩm từ cá của Úc sẽ được thay thế bởi hệ thống hồ sơ xuất khẩu thế hệ mới NEXDOC. Việc thay đổi này không làm ảnh hưởng đến các điều kiện hoặc chứng nhận đã thỏa thuận về tiếp cận thị trường, thông |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | tin đã thỏa thuận song phương về chi tiết lô hàng hoặc các biện pháp kiểm soát theo quy định đối với hàng xuất khẩu. Ngoài ra, giấy chứng nhận mới sẽ có mã QR nhằm cung cấp thông tin cụ thể về lô hàng mà các nhân viên quản lý tại biên giới có thể xác minh thông qua camera điện thoại thông minh.  Giấy chứng nhận xuất khẩu mới áp dụng cho xuất khẩu cá và các sản phẩm từ cá của Úc.  Giấy chứng nhận mới sẽ được áp dụng từ ngày 30/9/2024. Sẽ có một giai đoạn chuyển tiếp, trong đó các chứng nhận cũ và mới đều được chấp nhận |
| 50 | G/SPS/N/ALB/210 | TY | An-ba-ni | 02/8/2024 | Dự thảo Luật "Sức khỏe động vật" | Dự thảo Luật quy định các quy tắc phòng ngừa và kiểm soát các bệnh của động vật lây truyền cho động vật hoặc con lây truyền cho người.  Mục đích của dự Luật nhằm:   1. Tổ chức theo thứ tự ưu tiên phân loại bệnh và xác định trách nhiệm trong lĩnh vực thú y (Phần I: Điều 1 đến 17); 2. Phát hiện, thông báo và báo cáo kịp thời các bệnh, giám sát và tình trạng không nhiễm bệnh (Phần II: Điều 18 đến 42); 3. Nhận thức, chuẩn bị và kiểm soát bệnh tật (Phần III: Điều 43 đến 83); 4. Đăng ký, phê duyệt các cơ sở và đơn vị vận chuyển, di chuyển và truy xuất nguồn gốc động vật, chế phẩm và các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật trong lãnh thổ An-ba-ni (Phần IV: Điều 84 đến 228; và Phần VI: Điều 244 đến 248 và 251 đến 255); 5. Việc xuất, nhập khẩu động vật, chế phẩm và các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật vào An-ba-ni, xuất khẩu từ An-ba-ni (Phần V: Điều 229 đến 243; và Phần VI: Điều 244 đến 246 và 251 đến 255); |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | 1. Việc vận chuyển vì mục đích phi thương mại thú cưng vào hoặc ra khỏi lãnh thổ (Phần VI: Điều 244 đến 255); 2. Các biện pháp khẩn cấp được thực hiện trong trường hợp khẩn cấp liên quan đến bệnh dịch (Phần VII: Điều 256 đến 261). Dự thảo Luật "Về Luật Sức khỏe Động vật" được xây dựng tương tự với Quy định (EU) 2016/429 về các bệnh truyền nhiễm ở động vật, sửa đổi và bãi bỏ một số đạo luật trong lĩnh vực sức khỏe động vật (Luật Sức khỏe dộng vật). |
| 51 | G/SPS/N/IND/310 | ATTP | Ấn Độ | 01/8/2024 | Dự thảo sửa đổi Quy định về Tiêu chuẩn và An toàn thực phẩm (Tiêu chuẩn thực phẩm và Phụ gia thực phẩm), năm 2024 | Bản dự thảo sửa đổi về Quy định An toàn thực phẩm (Tiêu chuẩn thực phẩm và Phụ gia thực phẩm), liên quan đến các tiêu chuẩn đối với xi-rô tổng hợp để sử pha chế nước có ga, tại phụ lục A và phụ lục B. |
| 52 | G/SPS/N/IND/309 | ATTP | Ấn Độ | 01/8/2024 | Dự thảo sửa đổi Quy định về Tiêu chuẩn và An toàn thực phẩm (Tiêu chuẩn thực phẩm và Phụ gia thực phẩm), năm 2024 | Bản dự thảo sửa đổi về Quy định An toàn thực phẩm (Tiêu chuẩn thực phẩm và Phụ gia thực phẩm), liên quan đến các tiêu chuẩn về tiệt trùng đối với sữa hương vị, sữa bột và bột kem, chất làm trắng sữa, các sản phẩm sữa lên men, chakka (một loại kem chua), whey protein cô đặc, whey protein tinh khiết, dầu hạt cải, dầu hạt phỉ, dầu hồ trăn, dầu óc chó, dầu dừa testa, đạm đậu nành cô đặc đã qua chế biến, sô cô la tổng hợp, kem que/kem, … tại phụ lục A và phụ lục C. |
| 53 | G/SPS/N/EU/789 | ATTP, BVTV | Liên minh Châu Âu | 01/8/2024 | Dự thảo Quy định liên quan đến việc không gia hạn phê duyệt hoạt chất metribuzin, theo Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng, sửa đổi Quy định (EU) số 540/2011 và Quy định (EU) 2015/408. | Bản dự thảo Quy định về việc không gia hạn hoạt chất metribuzin theo Quy định (EC) số 1107/2009. Các quốc gia Thành viên EU sẽ thu hồi giấy phép đối với các sản phẩm bảo vệ thực vật có chứa hoạt chất metribuzin. Chất này trước đây đã được phê duyệt theo Chỉ thị 91/414/EEC.  Một số mối quan ngại đã được xác định trong quá trình đánh giá và bình duyệt khoa học đối với metribuzin, |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | những vấn đề này được nêu chi tiết trong tuyên bố của Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA).  Các thành viên EU sẽ thu hồi các giấy phép phê duyệt hiện có và các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật chứa metribuzin bị thu hồi chậm nhất là sáu tháng kể từ ngày quy định có hiệu lực.  Quyết định này chỉ liên quan đến việc đưa các sản phẩm bảo vệ thực vật có chứa metribuzin ra thị trường. Sau khi quy định có hiệu lực, có thể EU sẽ có điều chỉnh mức MRL trên một số sản phẩm và sẽ có thông báo riêng. |
| 54 | G/SPS/N/TZA/370 | TY, CN | Tanzania | 01/8/2024 | DARS 1843:2024, Côn trùng làm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - Quy tắc thực hành, ấn bản đầu tiên | Bản dự thảo Tiêu chuẩn của Tanzania về cung cấp hướng dẫn về việc thiết lập và các hoạt động sản xuất, thu hoạch côn trùng để làm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. |
| 55 | G/SPS/N/TZA/369 | TY, CN | Tanzania | 01/8/2024 | DARS 1844:2024, Côn trùng sấy khô dùng làm thức ăn hỗn hợp cho động vật - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên | Bản dự thảo Tiêu chuẩn của Tanzania về yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với côn trùng sấy khô dùng làm nguyên liệu trong thức ăn chăn nuôi. |
| 56 | G/SPS/N/IDN/150 | ATTP, BVTV, CLCB, TY, CT | Indonesia | 01/8/2024 | Cơ quan Lương thực Cộng hòa Indonesia dự thảo Quy định về mức dư lượng tối đa chất gây ô nhiễm trong thực phẩm | Cộng hòa Indonesia đề xuất mức dư lượng tối đa (MRL) chất gây ô nhiễm trong thực phẩm , cụ thể:  Kim loại nặng (asen, cadmium và chì) thiết lập ở mức 0,1-1,5 mg/kg đối với sắn, khoai lang, các loại hạt (hạt điều, hạt dẻ...), các loại đậu (đậu xanh, đậu đỏ…), các loại hạt/quả có dầu (hạt mè, quả dừa…), trái cây, các loại rau (bắp cải, củ cải…), cà phê, ca cao, trái cây có múi…; Vi sinh vật được thiết lập ở các mức khác nhau (*Salmonella, Listeria monocytogenes, Eschericia coli* sản sinh độc tố Shiga (STEC) và *Bacillus cereus)* đối với trái cây khô, trái cây đông lạnh, rau tươi, gia vị…;  Độc tố nấm mốc (Aflatoxin B1, tổng Aflatoxin, Fumonisin và Ochratoxin A) thiết lập ở mức từ 5-20 |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | µg/kg đối với quả hạch, ngũ cốc, trái cây, hạt cà phê, các loại hạt dầu, gia vị khô (ớt)…; |
| 57 | G/SPS/N/ALB/209 | BVTV | An-ba-ni | 01/8/2024 | Dự thảo Luật "Về sức khỏe thực vật" | Dự thảo Luật nhằm xác định các quy tắc về đánh giá rủi ro sâu bệnh và bảo vệ sức khỏe thực vật. Mục đích chính của dự thảo luật này để bảo vệ sức khỏe và bảo tồn các nguồn tài nguyên thực vật quan trọng, cũng như ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan của các loài sâu bệnh thuộc diện kiểm dịch và không kiểm dịch được quy định trên lãnh thổ quốc An-ba-ni.  Dự thảo Luật tạo ra một cơ sở pháp lý mạnh mẽ và hiệu quả để bảo vệ sức khỏe của thực vật, sản phẩm thực vật và các đối tượng khác. Cụ thể, dự thảo Luật này đảm bảo một hệ thống giám sát và kiểm soát sâu bệnh hiệu quả, cũng như thiết lập các biện pháp cần thiết để ngăn chặn sự xâm nhập của sâu bệnh vào lãnh thổ của An-ba-ni và được coi là một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng thực phẩm và trong việc bảo vệ môi trường. |
| 58 | G/SPS/N/PRY/37 | ATTP, BVTV | Paraguay | 31/7/2024 | Quy định "Về việc thiết lập các tiêu chí để tuân thủ mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) thuốc bảo vệ thực vật đối với thực phẩm" | Quy định này nhằm thiết lập các tiêu chí và đề xuất về mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) thuốc bảo vệ thực vật đối với các sản phẩm và phụ phẩm thực vật nhằm bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, đồng thời tránh các rào cản thương mại không cần thiết đối với thực phẩm. |
| 59 | G/SPS/N/NZL/773 | BVTV | Niu Di-lân | 31/7/2024 | Đề xuất P1055 - Định nghĩa về công nghệ gen và kỹ thuật nhân giống mới. | Đề xuất P1055 về sửa đổi các định nghĩa về "thực phẩm được sản xuất bằng công nghệ gen" và "công nghệ gen" trong Bộ Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc Niu Di-lân (sau đây gọi tắt là Bộ Luật) để đảm bảo rõ những loại thực phẩm nào được coi là biến đổi gen (gọi tắt là GM) theo mục đích của Bộ Luật, hoặc thực phẩm được quản lý dựa trên mức độ rủi ro mà chúng gây ra.  Dự thảo của Bộ Luật bao gồm 06 tiêu chuẩn thực phẩm và 04 phụ lục, bao gồm: |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | − Bãi bỏ các định nghĩa hiện có về "thực phẩm được sản xuất bằng công nghệ gen" và "công nghệ gen" thay thế bằng định nghĩa mới cho "thực phẩm biến đổi gen", dựa trên sự hiện diện của DNA;  − Loại trừ định nghĩa thực phẩm biến đổi gen đối với các chất được thêm vào thực phẩm, các chất được sử dụng trong môi trường nuôi cấy tế bào để sản xuất thực phẩm và thực phẩm từ các sinh vật không mang gen biến đổi (null segregant) và cấy ghép;  − Các định nghĩa mới cho "DNA mới", "protein mới" và "null segregant".  Mục tiêu chính của đề xuất là đảm bảo sự rõ ràng về loại thực phẩm nào là thực phẩm biến đổi gen, đồng thời thích ứng với các công nghệ mới trong lĩnh vực biến đổi gen và những thay đổi trong bối cảnh pháp lý quốc tế. Các sửa đổi sẽ cung cấp một định nghĩa rõ về thực phẩm biến đổi gen nhằm giảm bớt sự mơ hồ về loại thực phẩm nào cần được đánh giá trước khi đưa ra thị trường, đồng thời tiếp tục bảo vệ sức khỏe và an toàn của cộng đồng. |
| 60 | G/SPS/N/UKR/225 |  | Ucraina | 30/7/2024 | Dự thảo Nghị định của "Về việc phê duyệt danh mục các chất bị hạn chế hoặc bị cấm trong thức ăn chăn nuôi" | Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ucraine dự thảo Nghị định đề xuất phê duyệt danh mục các chất bị hạn chế hoặc bị cấm có trong thức ăn chăn nuôi.  Dự thảo dựa trên chỉ thị 2002/32/EC ngày 7/5/2002 về chỉ tiêu an toàn trong thức ăn chăn nuôi trong việc giám sát dioxin trong thực phẩm và khuyến nghị của Ủy ban ngày 17/8/2006 về sự hiện diện của deoxynivalenol, zearalenone, ochratoxin A, T-2, HT-2 và fumonisin trong thức ăn chăn nuôi. |
| 61 | G/SPS/N/KAZ/175 | TY, CN, TS | Kazakhsta n | 29/7/2024 | Dự thảo quy định quản lý phụ gia thức ăn chăn nuôi trong lãnh | Dự thảo quản lý phụ gia thức ăn chăn nuôi trong lãnh thổ hải quan của Liên minh kinh tế Á-Âu (sau đây gọi là Liên minh), bao gồm: |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  | thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu | − Thủ tục chung để đăng ký phụ gia thức ăn chăn nuôi, cũng như các thủ tục khác liên quan đến đăng ký;  − Quy trình chung để đánh giá chất lượng, an toàn và hiệu quả của phụ gia thức ăn chăn nuôi và các tiêu chí đánh giá;  − Các nguyên tắc chung về trao đổi thông tin trong việc tổ chức và thực hiện kiểm soát (giám sát) nhà nước đối với phụ gia thức ăn chăn nuôi;  − Các mẫu hồ sơ đăng ký;  − Sổ đăng ký về phụ gia thức ăn chăn nuôi được đăng ký theo quy định của Liên minh;  − Cơ sở dữ liệu thông tin về phụ gia thức ăn chăn nuôi chất lượng thấp, không an toàn, phụ gia thức ăn bị làm giả/hàng nhái (giám sát);  − Cơ sở dữ liệu thông tin về các triệu chứng ở động vật được phát hiện trong quá trình sử dụng phụ gia thức ăn chăn nuôi;  − Sổ đăng ký các nhà sản xuất phụ gia thức ăn chăn nuôi, việc sản xuất được công nhận là tuân thủ các yêu cầu chung của Liên minh. |
| 62 | G/SPS/N/EU/717  /Corr.1 | TY | Liên minh Châu Âu | 29/7/2024 | Quy định (EU) 2024/2020 ngày 26/7/2024 sửa đổi và chỉnh sửa Phụ lục III Quy định (EU) 2020/2235 về các mẫu giấy chứng nhận nhập khẩu vào EU một số loại động vật và một số sản phẩm có nguồn gốc động vật để tiêu thụ cho con người; và chỉnh sửa Quy định (EU) 2024/399 | Sửa đổi 03 mẫu giấy chứng nhận (mẫu 'EU-FISH', mẫu 'FISH-MOLCAP' và mẫu 'MOL-HC') của Phụ lục III Quy định (EU) 2020/2235 và thêm một chứng nhận mới về sức khỏe cộng đồng được nêu trong Quy định (EU) 2023/905 về việc áp dụng lệnh cấm sử dụng một số loại thuốc kháng sinh trong động vật hoặc sản phẩm có nguồn gốc động vật xuất khẩu từ các quốc gia thứ ba vào EU; và chỉnh sửa một mẫu giấy chứng nhận (mẫu 'NZ- TRANSIT-SG') của Phụ lục III Quy định (EU) 2020/2235 bằng cách hủy chứng nhận liên quan trong Quy định (EU) 2024/399. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 63 | G/SPS/N/AUS/592 | BVTV | Úc | 29/7/2025 | Đề xuất P1055 - Định nghĩa về công nghệ gen và kỹ thuật lai tạo mới – Kêu gọị bổ sung ý kiến và các tài liệu hỗ trợ. | Đề xuất P1055 về sửa đổi các định nghĩa về "thực phẩm được sản xuất bằng công nghệ gen" và "công nghệ gen" trong Bộ Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc Niu Di-lân (sau đây gọi tắt là Bộ Luật) để đảm bảo rõ những loại thực phẩm nào được coi là biến đổi gen (gọi tắt là GM) theo mục đích của Bộ Luật, hoặc thực phẩm được quản lý dựa trên mức độ rủi ro mà chúng gây ra.  Dự thảo của Bộ Luật bao gồm 06 tiêu chuẩn thực phẩm và 04 phụ lục, bao gồm:  − Bãi bỏ các định nghĩa hiện có về "thực phẩm được sản xuất bằng công nghệ gen" và "công nghệ gen" thay thế bằng định nghĩa mới cho "thực phẩm biến đổi gen", dựa trên sự hiện diện của DNA;  − Loại trừ định nghĩa thực phẩm biến đổi gen đối với các chất được thêm vào thực phẩm, các chất được sử dụng trong môi trường nuôi cấy tế bào để sản xuất thực phẩm và thực phẩm từ các sinh vật không mang gen biến đổi (null segregant) và cấy ghép;  − Các định nghĩa mới cho "DNA mới", "protein mới" và "null segregant".  Mục tiêu chính của đề xuất là đảm bảo sự rõ ràng về loại thực phẩm nào là thực phẩm biến đổi gen, đồng thời thích ứng với các công nghệ mới trong lĩnh vực biến đổi gen và những thay đổi trong bối cảnh pháp lý quốc tế. Các sửa đổi sẽ cung cấp một định nghĩa rõ về thực phẩm biến đổi gen nhằm giảm bớt sự mơ hồ về loại thực phẩm nào cần được đánh giá trước khi đưa ra thị trường, đồng thời tiếp tục bảo vệ sức khỏe và an toàn của cộng đồng. |
| 64 | G/SPS/N/THA/232  /Rev.2/Corr.1 | TY | Thái Lan | 25/7/2024 | Sửa đổi dự thảo Thông báo của Bộ Y tế Công cộng (MOPH), số  ... BE ..., về việc "Yêu cầu và điều kiện nhập khẩu đối với thực | Sửa đổi liên kết tài liệu dự thảo bản tiếng Anh của thông báo G/SPS/N/THA/232/Rev.2,  Liên kết phiên bản tiếng Anh được cung cấp trong thông báo mới này: |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  | phẩm có nguy cơ mắc bệnh não xốp ở bò" | [https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/TH](https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/THA/240485700e.pdf) [A/240485700e.pdf](https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/THA/240485700e.pdf) |
| 65 | G/SPS/N/KGZ/34 | TY | Cộng hoà Kyrgyz | 25/7/2024 | Dự thảo Quyết định số 140 về việc sửa đổi Quyết định của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu ngày 23/9/2022 | Dự thảo thay đổi ngày có hiệu lực của Quy tắc quản lý việc lưu hành các công cụ chẩn đoán thú y trên lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu, được thông qua bởi Quyết định số 140 ngày 23/9/2022.  Dự thảo đưa ra các quy định cho phép kéo dài thời gian lưu hành các công cụ chẩn đoán đã đăng ký theo luật pháp của các quốc gia thành viên Liên minh hoặc được cấp để lưu hành theo các thủ tục khác do pháp luật của các nước thành viên Liên minh quy định |
| 66 | G/SPS/N/BRA/2316 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 25/7/2024 | Dự thảo Nghị quyết số 1269 ngày 16/7/2024 | Dự thảo đề xuất đưa thành phần hoạt chất: B69 – baculovirus Cydia Pomonella granulovirus vào danh mục hoạt chất chuyên khảo thuốc trừ sâu, sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi hướng dẫn quy chuẩn số 103 ngày 19/10/2021 |
| 67 | G/SPS/N/BRA/2315 | BVTV | Bra-xin | 25/7/2024 | Sắc lệnh SDA/MAPA số 1146 ngày 16/7/2024- Thiết lập các yêu cầu về kiểm dịch thực vật đối với nhập khẩu cây nắp ấm *Nepenthes* spp*.* | Thiết lập các yêu cầu về kiểm dịch thực vật đối với nhập khẩu nguyên liệu nhân giống (hạt giống, cây giống và nhân giống cây trong ống nghiệm) của cây nắp ấm *Nepenthes* spp. |
| 68 | G/SPS/N/BRA/2314 | BVTV | Bra-xin | 25/7/2024 | Sắc lệnh SDA/MAPA số 1148 ngày 16/7/2024- Đề xuất thiết lập Chương trình quốc gia về phòng ngừa và kiểm soát bệnh vàng lá gân xanh (HLB) | Dự thảo Chương trình quốc gia về phòng ngừa và kiểm soát bệnh vàng lá gân xanh (HLB).  Ngày cuối cùng nhận góp ý:17/9/2024 |
| 69 | G/SPS/N/KGZ/33 | TY | Cộng hoà Kyrgyz | 24/7/2024 | Dự thảo về Thủ tục kiểm tra các cơ sở lấy mẫu hàng hóa (Sản phẩm) thuộc diện phải kiểm soát/giám sát thú y. | Dự thảo quy định sửa đổi liên quan đến hoạt động của các thanh tra viên tiến hành kiểm tra thú y tại các cơ sở của nước thứ ba, đồng thời cho phép các cơ quan có thẩm quyền loại bỏ các doanh nghiệp khỏi danh mục các cơ sở |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | được phép xuất khẩu trong vòng 5 năm do không thực hiện kiểm soát hoàng hóa (sản phẩm) vào lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu. Dự thảo cũng đưa ra các điều kiện đối với doanh nghiệp của nước thứ ba thuộc diện kiểm soát có thể bị đình chỉ. |
| 70 | G/SPS/N/USA/3462 | ATTP, BVTV, TY, CLCB, CT | Hoa Kỳ | 24/7/2024 | Cơ quan Kiểm dịch và An toàn Thực phẩm Hoa Kỳ (FSIS) đề xuất thay thế các tập dữ liệu liên quan đến việc từ chối nhập khẩu trên trang web | Cục An toàn Thực phẩm và Kiểm định (FSIS) của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ dự định thay thế các tập dữ liệu "Import Refusals" và "Import Volume" , cụ thể: Đề xuất thay thế các tập dữ liệu có tên Import Refusals (Từ chối nhập khẩu) và Import Volume (Khối lượng nhập khẩu) hiện tại trên trang web [Import and Export Data](https://www.fsis.usda.gov/inspection/import-export/international-reports/import-and-export-data) của FSIS bằng hai tập dữ liệu mới: “Import Presented Refused” và “Import Refusal Reason”.  Tập dữ liệu “Từ chối nhập khẩu” hiện tại được trình bày theo lô hàng, bao gồm cả thông tin cơ sở chế biến nước ngoài, trong khi tập dữ liệu “Khối lượng nhập khẩu” thông tin theo các mục: Quốc gia, loài, quy trình, loại sản phẩm và nhóm sản phẩm. Tập dữ liệu mới sẽ bao gồm thông tin của 02 tập dữ liệu hiện tại nhằm mục đích so sánh tỷ lệ trọng lượng bị từ chối với trọng lượng được thực tế. Lý do từ chối nhập khẩu sẽ được cung cấp dưới dạng tập dữ liệu phụ để hỗ trợ phân tích.  Các tập dữ liệu sẽ được cập nhật hàng tháng và sẽ được đăng vào thứ Sáu của tuần thứ ba mỗi tháng. Lần phát hành đầu tiên vào ngày 27/9/2024, thay cho các bộ dữ liệu cũ. Ngài ra dữ liệu sẽ được chia nhỏ theo năm tài chính (FY), bắt đầu từ dữ liệu từ năm tài chính 2014 (bắt đầu từ ngày 01/10/2013) cho đến năm tài chính gần đây nhất. |
| 71 | G/SPS/N/CHL/797 | TY | Chi-lê | 22/7/2024 | Văn bản quy định về việc nhập khẩu sản phẩm động vật vào | Dự thảo thiết lập hướng dẫn và thông tin bao gồm các bản tóm tắt quy trình sản xuất, các tài liệu mô tả quy trình |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  | Chi-lê để tiêu thụ hoặc sử dụng cho con người, kèm theo các bản tóm tắt quy trình sản xuất. | chế biến của sản phẩm chứa thành phần có nguồn gốc động vật để tiêu thụ hoặc sử dụng cho con người, nhằm đánh giá rủi ro đối với hàng hóa nhập khẩu vào Chi-lê. |
| 72 | G/SPS/N/KEN/292 | ATTP | Kenya | 22/7/2024 | DKS 2455:2024 An toàn thực phẩm – Tiêu chuẩn chung. | Dự thảo Tiêu chuẩn của Kenya yêu cầu an toàn, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với thực phẩm dùng để tiêu thụ trực tiếp cho con người và/hoặc chế biến thêm khi không có tiêu chuẩn cụ thể. |
| 73 | G/SPS/N/EU/788 | ATTP, BVTV | Liên minh Châu Âu | 22/7/2024 | Dự thảo sửa đổi Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với dithiocarbamate trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định. | Tổng vụ Sức khỏe và An toàn thực phẩm, Ủy ban Châu Âu thông báo về việc đề xuất Sửa đổi Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với nhóm thuốc trừ nấm dithiocarbamate (maneb, mancozeb, metiram, propineb, thiram và ziram) dựa trên chuyển đổi các chất đó thành carbon disulfide (CS2) trong hoặc trên một số sản phẩm.  Mức dư lượng tối đa (MRL) trên một số sản phẩm có thể ảnh hưởng đến hàng hóa nông sản và thực phẩm xuất khẩu của Việt Nam:  ⁃ Nhóm quả có múi: 0,01-2 mg/kg;  ⁃ Nhóm hạt: 0,01 mg/kg;  ⁃ Nhóm quả nhỏ, vỏ không ăn được: 0,01-1,5 mg/kg;  ⁃ Nhóm quả lớn, vỏ không ăn được: 0,01-2 mg/kg;  ⁃ Nhóm rau củ: 0,01-0,7 mg/kg;  ⁃ Nhóm Rau quả: 0,1-2 mg/kg;  ⁃ Rau dạng thân: 0,01-0,5 mg/kg;  ⁃ Ngũ cốc (gạo): 0,1 mg/kg;  ⁃ Trà, cà phê, thảo dược, gia vị: 0,05-0,3 mg/kg;  ⁃ Sản phẩm có nguồn gốc từ động vật trên cạn: 0,02 mg/kg;  - Mật ong và các sản phẩm ong khác: 0,05 mg/kg. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 74 | G/SPS/N/CAN/1565 | ATTP | Canada | 22/7/2024 | Sửa đổi mở rộng danh mục chất bảo quản được phép sử dụng: Nisin | Cục Thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã hoàn thành đánh giá an toàn trước khi đưa ra thị trường đối với đơn xin cấp phép phụ gia thực phẩm nisin được sử dụng trong bánh quộn lòng trắng trứng (egg white wraps).  Kết quả đánh giá trước khi đưa ra thị trường ủng hộ tính an toàn và hiệu quả của nisin khi sử dụng làm chất bảo quản trong bánh quộn lòng trắng trứng. Do đó, Bộ Y tế Canada đã mở rộng việc sử dụng nisina được mô tả trong tài liệu thông tin ở trên bằng cách sửa đổi Danh sách chất bảo quản được phép sử dụng, có hiệu lực từ ngày 30/5/2024. |
| 75 | G/SPS/N/CAN/1564 | ATTP | Canada | 22/7/2024 | Sửa đổi mở rộng danh mục chất bảo quản được phép sử dụng: Natamycin | Cục Thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã hoàn thành đánh giá an toàn trước khi đưa ra thị trường đối với đơn xin cấp phép sử dụng phụ gia thực phẩm natamycin trong mố số sản phẩm pho mát, nước sốt Ranch cho món salad và nước chấm Ranch.  - Kết quả đánh giá trước khi đưa ra thị trường ủng hộ tính an toàn và hiệu quả của natamycin khi sử dụng làm chất bảo quản trong một số sản phẩm pho mát, nước sốt Ranch cho món salad và nước chấm Ranch. Do đó, Bộ Y tế Canada đã mở rộng việc sử dụng natamycin được mô tả trong tài liệu thông tin ở trên bằng cách sửa đổi Danh sách chất bảo quản được phép sử dụng, có hiệu lực từ ngày 30/5/2024. |

**B. DANH SÁCH CÁC QUY ĐỊNH VỀ SPS ĐÃ CÓ HIỆU LỰC**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia/ khu vực** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| 1 | G/SPS/N/TUR/131  /Add.1 | BVTV | Thổ Nhĩ Kỳ | 20/8/2024 | [Quy định liên quan đến việc xử](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=9632) [lý nhiệt và đánh dấu vật liệu gỗ](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=9632) [để đóng gói](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=9632) | Thông báo G/SPS/N/TUR/131 (ngày 10/1/2023) về quy định liên quan đến việc áp dụng quy trình xử lý nhiệt và đánh dấu của vật liệu gỗ dùng để đóng gói, hiện đã được thông qua và công bố trên Công báo ngày 26/7/2024 theo số 32613.  Mục 1, 2 và 3, đoạn thứ bảy của Điều 5, đoạn (a) và (b) của đoạn đầu tiên Điều 14 và đoạn (3) và (4) của đoạn (c), đoạn (a) và đoạn thứ năm của đoạn đầu tiên Điều 16, Điều 24 và 25 sẽ có hiệu lực vào ngày 01/01/2025. Các quy định khác sẽ có hiệu lực vào ngày 07/01/2025. |
| 2 | G/SPS/N/CAN/1553  /Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 20/8/2024 | Thiết lập mức giới hạn dư lượng tối đa đối với: Picarbutrazox | Mức giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) đề xuất đối với Picarbutrazox đã được thông qua vào ngày 14/8/2024. Cụ thể  1 ppm = phần triệu |
| 3 | G/SPS/N/SAU/528  /Add.1 | TY | Các Tiểu vương quốc Ả-rập Xê-út | 14/8/2024 | Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt sản – Tiêu chuẩn sản xuất sản phẩm từ động vật | Bộ Môi trường, Nước và Nông nghiệp (MEWA) công bố các tài liệu liên quan đến thông báo trước đó:   1. Tiêu chuẩn sản xuất gia cầm. 2. Các bước đăng ký và chứng nhận cơ sở chăn nuôi gia cầm theo Tiêu chuẩn Thực hành Nông nghiệp Tốt của các Tiểu vương quốc Ả-rập Xê-út (SAUDI GAP). |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | Ngày có hiệu lực dự kiến là sáu tháng sau khi thông báo tiêu chuẩn được lưu hành. |
| 4 | G/SPS/N/CHL/730  /Add.2 | ATTP, BVTV | Chi-lê | 09/08/2024 | Bộ Y tế (MINSAL) ban hành Nghị định số 47/2024 sửa đổi Tiêu chuẩn Kỹ thuật số 209 thiết lập giới hạn dư lượng tối đa cho thuốc trừ sâu trong thực phẩm, được phê duyệt bởi Nghị quyết số 892 của MINSAL vào năm 2020. | Nghị định số 47 của MINSAL, sửa đổi Tiêu chuẩn Kỹ thuật số 209 thiết lập giới hạn dư lượng tối đa cho thuốc trừ sâu trong thực phẩm, được phê duyệt bởi Nghị quyết số 892 của MINSAL vào năm 2020, đã được công bố trên Công báo chính thức vào ngày 03/8/2024 và có hiệu lực vào ngày 03/5/2025. |
| 5 | G/SPS/N/TPKM/628/  Add.1 | BVTV | Đài Loan Trung Quốc | 08/8/2024 | Thực hiện quy định Kiểm dịch đối với nhập khẩu thực vật và sản phẩm thực vật | Dự thảo trong thông báo số G/SPS/N/TPKM/628 về “Quy định kiểm dịch đối với nhập khẩu thực vật và sản phẩm thực vật” đã được thông qua và có hiệu lực từ ngày 31/7/2024 |
| 6 | G/SPS/N/BDI/63  /Add.1, G/SPS/N/KEN/219  /Add.1, G/SPS/N/RWA/56  /Add.1, G/SPS/N/TZA/285  /Add.1, G/SPS/N/UGA/260  /Add.1 | BVTV | Các quốc gia Đông Phi | 08/08/2024 | DEAS 893: 2023, Tương ớt —  Tiêu chuẩn kỹ thuật, Ấn bản thứ hai | Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi; DEAS 893: 2023, Tương ớt - Tiêu chuẩn kỹ thuật, Ấn bản thứ hai, được thông báo trong G/SPS/N/BDI/63, G/SPS/N/KEN/219, G/SPS/N/RWA/56,  G/SPS/N/TZA/285, G/SPS/N/UGA/260 đã được thông qua vào ngày 14/6/2024 với tên gọi EAS 893: 2023, Tương ớt - Tiêu chuẩn kỹ thuật, Ấn bản thứ hai |
| 7 | G/SPS/N/BDI/62  /Add.1, G/SPS/N/KEN/218  /Add.1, G/SPS/N/RWA/55  /Add.1, | BVTV | Các quốc gia Đông Phi | 08/08/2024 | DEAS 66-3: 2023, Sản phẩm từ cà chua - Tiêu chuẩn kỹ thuật; Phần 3: Nước ép cà chua, Ấn bản thứ ba | Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi; DEAS 66-3: 2023, Sản phẩm từ cà chua - Tiêu chuẩn kỹ thuật; Phần 3: Nước ép cà chua, Ấn bản thứ ba, được thông báo trong G/SPS/N/BDI/62, G/SPS/N/KEN/218, G/SPS/N/RWA/55, G/SPS/N/TZA/284,  G/SPS/N/UGA/259 đã được thông qua vào ngày |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | G/SPS/N/TZA/284  /Add.1, G/SPS/N/UGA/259  /Add.1 |  |  |  |  | 14/6/2024 với tên gọi EAS 66-3: 2023, Sản phẩm từ cà chua - Tiêu chuẩn kỹ thuật; Phần 3: Nước ép cà chua, Ấn bản thứ ba |
| 8 | G/SPS/N/BDI/61  /Add.1, G/SPS/N/KEN/217  /Add.1, G/SPS/N/RWA/54  /Add.1, G/SPS/N/TZA/ 283  /Add.1, G/SPS/N/UGA/258  /Add.1 | BVTV | Các quốc gia Đông Phi | 08/8/2024 | DEAS 66-2: 2023, Sản phẩm cà chua - Đặc điểm kỹ thuật - Phần 2: Nước sốt cà chua, ấn bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi; DEAS 66-2: 2023, Sản phẩm cà chua - Đặc điểm kỹ thuật - Phần 2: Nước sốt cà chua, ấn bản đầu tiên đã được thông qua bởi ngày 14/6/2024 |
| 9 | G/SPS/N/BDI/28  /Add.1, G/SPS/N/KEN/181  /Add.1, G/SPS/N/RWA/21  /Add.1, G/SPS/N/TZA/214  /Add.1, G/SPS/N/UGA/223  /Add.1 | BCT, BVTV | Các quốc gia Đông Phi | 08/8/2024 | DEAS 1109:2022, Nước sốt làm từ trái cây và rau quả - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi; DEAS 1109:2022, Nước sốt làm từ trái cây và rau quả - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên, được thông báo trong G/SPS/N/BDI/28, G/SPS/N/KEN/181,  G/SPS/N/RWA/21, G/SPS/N/TZA/214,  G/SPS/N/UGA/223 đã được thông qua vào ngày 14/6/2024 với tên gọi EAS 1109:2022, Nước sốt làm từ trái cây và rau quả - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên |
| 10 | G/SPS/N/BDI/27  /Add.1, G/SPS/N/KEN/180  /Add.1, G/SPS/N/RWA/20  /Add.1, G/SPS/N/TZA/213 | BCT, BVTV | Các quốc gia Đông Phi | 08/8/2024 | DEAS 1108:2022, Trái cây sấy giòn - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi; DEAS 1108:2022, Trái cây sấy giòn - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên, được thông báo trong G/SPS/N/BDI/27, G/SPS/N/KEN/180, G/SPS/N/RWA/20, G/SPS/N/TZA/213,  G/SPS/N/UGA/222 đã thông qua vào ngày 14/6/2024 với tên gọi EAS 1108:2022, Trái cây sấy giòn - Đặc điểm kỹ thuật, ấn bản đầu tiên |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | /Add.1, G/SPS/N/UGA/222  /Add.1 |  |  |  |  |  |
| 11 | G/SPS/N/BRA/2300  /Add.1 | ATTP | Bra-xin | 07/8/2024 | Dự thảo Nghị quyết 1248, ngày 25/4/2024 | Dự thảo được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2300, đã được thông qua bởi Hướng dẫn quy phạm 307, ngày 2/8/2024 về việc đưa thành phần hoạt chất A72 - Axit Nonanoic vào danh mục thành phần hoạt chất thuốc trừ sâu, sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ. |
| 12 | G/SPS/N/THA/584  /Add.1 | ATTP | Thái Lan | 02/8/2024 | Thông báo của Bộ Y tế Công cộng (MOPH), số 449 "Thực phẩm tồn dư dư lượng thuốc trừ sâu (số 4)" | Dự thảo thông báo của Bộ Y tế Công cộng "Thực phẩm tồn dư dư lượng thuốc trừ sâu (số 4)", được thông báo trong G/SPS/N/THA/584 ngày 18/10/2022 đã được thông qua và công bố trên Công báo Hoàng gia ngày 11/6/2024  Ngày có hiệu lực: 12/6/2024 |
| 13 | G/SPS/N/CAN/1445  /Add.3 | TY | Canada | 02/8/2024 | Biện pháp mới cấm nhập khẩu chó thương mại từ các quốc gia có nguy cơ cao các bệnh dại ở chó. | Cơ quan quản lý thực phẩm Canada (CFIA) sẽ cấm nhập khẩu chó thương mại từ các quốc gia được xác định là có nguy cơ cao mắc bệnh dại do vi-rút biến thể ở chó gây ra. Bệnh dại là một căn bệnh phải báo cáo ở Canada và Canada hiện không có bệnh dại do vi rút biến thể ở chó. Để ngăn chặn sự tái xuất hiện của bệnh dại do virus biến thể ở chó gây ra và để bảo vệ sức khỏe cũng như sự an toàn của cả động vật và con người, CFIA sẽ thực hiện các hạn chế nhập khẩu đối với chó từ các quốc gia có nguy cơ cao.  Kể từ ngày 28/9/2022, tất cả chó có mục đích thương mại. Theo định nghĩa của CFIA, các quốc gia có nguy cơ cao sẽ không được phép nhập khẩu vào Canada, CFIA cũng sẽ không cấp giấy phép cho chó thương mại dưới 8 tháng tuổi từ các quốc gia có nguy cơ cao. Tất cả các lô hàng chó thương mại (bất kể tuổi tác) đang trên đường đến |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | Canada phải đến vào hoặc trước ngày 27/ 9/2022 để đủ điều kiện nhập khẩu.  Việc nhập khẩu chó cảnh (thú cưng) và chó nghiệp vụ, theo định nghĩa của CFIA, từ các quốc gia có nguy cơ cao sẽ tiếp tục được phép nhập khẩu theo quy định hiện tại của CFIA. |
| 14 | G/SPS/N/CHL/787  /Add.1 | TY | Chi Lê | 01/8/2024 | Nghị quyết số 4814/2024: "Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu ong chúa vào Chi-lê và bãi bỏ Nghị quyết trước đó" | Chi Lê thông báo Nghị quyết số 4814/2024 "Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu ong chúa vào Chi-lê và bãi bỏ Nghị quyết trước đó’’ có hiệu lực vào ngày 26/7/2024. |
| 15 | G/SPS/N/UKR/220  /Add.1 | BVTV | Ucraina | 30/7/2024 | Nghị định " Về việc phê duyệt Thủ tục đăng ký người thực hiện các hoạt động liên quan đến sản xuất, lưu thông và các biện pháp kiểm dịch thực vật đối với vật liệu đóng gói từ gỗ " | Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ucraina thông báo Nghị định số 1640 "Về việc phê duyệt Thủ tục đăng ký người thực hiện các hoạt động liên quan đến sản xuất, lưu thông và các biện pháp kiểm dịch thực vật đối với vật liệu đóng gói từ gỗ" đã được thông qua  Nghị định đã được ban hành vào ngày 27/6/2024 và được công bố vào ngày 16/7/2024. Lệnh sẽ có hiệu lực vào ngày 16/1/2025. |
| 16 | G/SPS/N/EU/759  /Add.1 | BVTV | Liên minh Châu Âu | 29/7/2024 | Sửa đổi Quy định (EU) 2019/2072 về việc liệt kê các loài gây hại, các quy định thông quan và vận chuyển thực vật, sản phẩm thực vật trong lãnh thổ Liên minh châu Âu | Thông qua Quy định (EU) 2024/2004 ngày 23/7/2024 sửa đổi Quy định (EU) 2019/2072 về việc liệt kê các loài gây hại, các quy định thông quan và vận chuyển thực vật, sản phẩm thực vật trong lãnh thổ Liên minh châu Âu |
| 17 | G/SPS/N/BRA/2223  /Add.2 | BVTV | Brazil | 29/7/2024 | Sắc lệnh SDA/MAPA số 1.147, ngày 16/7/2024 - Thiết lập các yêu cầu về kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống cây hoa limonium | Các yêu cầu về kiểm dịch thực vật được thiết lập đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống (Loại 4) hoa limonium (*Limonium* spp.). Các sắc lệnh sau đây sẽ bị thu hồi sau thời hạn 180 ngày kể từ ngày Sắc lệnh này có |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | hiệu lực: I - Sắc lệnh SDA/MAPA 1.028, ngày 5/3 /2024; II - Sắc lệnh SDA/MAPA 566, ngày 2/5/2022 |
| 18 | G/SPS/N/THA/583  /Add.1 | TY, BVTV, CLCB, CT, ATTP | Thái Lan | 25/7/2024 | Thông báo của Bộ Y tế Công cộng Thái Lan về việc "Ghi nhãn thực phẩm đóng gói sẵn" | Dự thảo Thông báo của Bộ Y tế Công cộng về việc "Ghi nhãn thực phẩm đóng gói sẵn", được thông báo trong G/SPS/N/THA/583 ngày 18/10/2022, đã được thông qua và đăng trên Công báo Hoàng gia ngày 18/7/2024 theo thông báo số 450 của Bộ Y tế.  Ngày có hiệu lực: ngày 19/7/2025 |
| 19 | G/SPS/N/CAN/1447  /Add.1 | BVTV, CT | Canada | 24/7/2024 | Thông báo về việc sửa đổi Danh sách các thành phần bổ sung được phép sử dụng trong thực phẩm: bổ sung chiết xuất trà xanh (EGCG/catechins). | Đề xuất của Bộ Y tế Canada về việc cho phép sử dụng chiết xuất trà xanh (EGCG/catechin) làm thành phần bổ sung trong thực phẩm và được mở rộng thời gian lấy lấy ý kiến trong 75 ngày. Do không có ý kiến nào khác, Bộ Y tế Canada đã bổ sung chiết xuất trà xanh (EGCG/catechin) trong bảng vào Phần IV của Danh sách các thành phần bổ sung được cho phép.  Quy định có hiệu lực vào ngày 11/01/2024. |
| 20 | G/SPS/N/SGP/84/ Add.1 | CN, TY | Singapore | 23/7/2024 | Khung pháp lý cho việc sử dụng cây trồng đã chỉnh sửa bộ gen làm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi | Dự thảo Khung quy định về việc sử dụng cây trồng đã chỉnh sửa bộ gen làm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi đã được hoàn thiện và sẽ có hiệu lực vào ngày 01/8/2024 |
| 21 | G/SPS/N/CHL/791  /Add.1 | BVTV | Chi-lê | 22/7/2024 | Nghị quyết số 4.589 năm 2024 sửa đổi Nghị quyết số 7.214 năm 2014 về việc thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu một số loài và loại cây cảnh để trồng và bãi bỏ Nghị quyết số 7.312 năm 2023 | Nghị quyết miễn trừ số 4.589 năm 2024 sửa đổi Nghị quyết số 7.214 năm 2014 thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu một số loài và loại cây cảnh để trồng và bãi bỏ Nghị quyết số 7.312 năm 2023" đã được công bố trên Tạp chí Chính thức vào ngày 19/7/2024 và có hiệu lực vào ngày 17/9/2024. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 22 | G/SPS/N/CAN/1539  /Add.1 | ATTP | Canada | 22/7/2024 | Đưa chitosan vào danh mục các chất bảo quản được phép sử dụng | Tổng cục Thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã hoàn thành đánh giá an toàn trước khi đưa ra thị trường đối với phụ gia thực phẩm xin cấp phép là chitosan từ nấm mỡ trắng (*Agaricus bisporus*) làm chất bảo quản trong nhiều loại thực phẩm. Chitosan là phụ gia thực phẩm mới ở Canada. Kết quả của đánh giá trước khi đưa ra thị trường đã cho thấy sự an toàn và hiệu quả của chitosan từ nấm mỡ trắng (*A.bisporus*) trong nhiều loại thực phẩm. Kết quả là Bộ Y tế Canada cho phép đưa chitosan từ *nấm A. bisporus* vào danh sách các chất bảo quản được phép sử dụng, có hiệu lực từ ngày 30/5/2024. |

*- Nội dung chi tiết được đăng tải tại:* [*www.spsvietnam.gov.vn*](http://www.spsvietnam.gov.vn) *hoặc* [*https://docs.wto.org/*](https://docs.wto.org/)

*- Ghi chú chữ viết tắt liên quan đến các lĩnh vực/đơn vị quản lý nhà nước: ATTP: An toàn thực phẩm (Cục ATTP - Bộ Y tế, Vụ KHCN - Bộ CT); BVTV: Bảo vệ thực vật; CLCB: Chất lượng, chế biến; CN: Chăn nuôi; CT: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương; TY: Thú y. Các đơn vị rà soát kỹ nội dung thông báo dự thảo liên quan đến lĩnh vực quản lý để góp ý và triển khai thực hiện.*